

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2017/HSPT

Ngày: 06-9-2017

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lê Thị Thu Trang.

*Các Thẩm phán:*

1. Bà Phạm Thị Thanh Giang;
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Phụng.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Dương Thị Kiều Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà:**

Ông Nguyễn Hoàng Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 98/2017/HSPT ngày 21 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị M, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2017/HSST ngày 15/6/2017 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

**Bị cáo kháng cáo:**

Nguyễn Thị M, sinh năm 1965 tại Thành phố H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú hiện nay: Tổ S, ấp T1, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ văn hóa: 3/12; Con ông Nguyễn Hữu R (đã chết) và bà Nguyễn Thị C (đã chết); chồng tên Nguyễn Văn T1, sinh năm 1958; con có 04 người, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền sự: Không có; tiền án: có 01 tiền án tại Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2006/HSST ngày 25/8/2006 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh, xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”, phạt bổ sung 3.000.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng; chấp hành xong hình phạt tù và án phí, chưa chấp hành hình phạt bổ sung nên chưa được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20-3-2017 cho đến ngày 25/3/2017 được bảo lãnh tại ngoại, có mặt.

Trong vụ án còn có người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 08/10/2016, bị cáo M đến nhà bà Nguyễn Thị Đ (chị ruột của bị cáo) để hỏi mượn 2.000.000 đồng. Bà Đ không cho mượn và lấy tờ biên nhận cầm đồ cho bị cáo xem và hẹn ngày mai cầm thêm tiền cho bị cáo mượn. Đến 18 giờ cùng ngày, M biết vợ chồng bà Đ đi lễ nhà thờ, không có ai ở nhà nên lên vào nhà bằng cửa sau lấy 1.100.000 đồng và 01 tờ biên nhận cầm đồ (05 chỉ vàng 24K) để dưới gối. Sau đó, M đến quán nước giải khát của ông Đinh Công H1 là người làm nghề chạy xe ôm đưa tờ biên nhận và nhờ ông H1 đến tiệm vàng K bán hết số vàng có trong biên nhận. Sau khi trừ số tiền đã cầm và tiền lãi, bà Vũ Thị Mộng R - chủ tiệm vàng đã giao cho ông H1 9.517.000 đồng. Bà M thuê ông H1 chở vào khu phố 3, thị trấn X, huyện T, tỉnh Tây Ninh và trả cho ông H1 20.000 đồng. Đến ngày 09/10/2016, bà Đ phát hiện và trình báo Công an. Tại cơ quan Công an bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi trên và đã bỏ trốn. Đến ngày 20/3/2017, bị cáo đến cơ quan Công an đầu thú.

Kết quả định giá tài sản: Tại Kết luận định giá tài sản số 96 ngày 28/10/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, tỉnh Tây Ninh kết luận: 01 lắc khoen lật bằng vàng 24K (phúc V10) có trọng lượng 05 chỉ, tại thời điểm ngày 08/10/2016 có giá 16.600.000 đồng.

Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo đã bồi thường cho bà Đ số tiền 10.615.000 đồng, bà Đ không yêu cầu gì thêm.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 31/2017/HSST ngày 15/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/3/2017 đến ngày 25/3/2017.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 20/6/2017, bị cáo Nguyễn Thị M có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm; bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội, giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, không có đối đáp và cung cấp chứng cứ mới.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Thị M thực hiện đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường xong cho người bị hại số tiền 10.615.000 đồng và bị hại cũng có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo bổ sung thêm tình tiết chồng của bị cáo là ông Nguyễn Văn T1 đã từng tham gia Thanh niên xung phong từ năm 1979 đến năm 1980 có xác nhận của chính quyền địa phương, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, nhân thân bị cáo xấu, sau khi đã chấp hành án về tội “Đánh bạc” bị cáo đã không cố gắng lao động chân chính mà lại dựa vào quan hệ thân thiết với bà Đ để trộm cắp tài sản. Mặc dù tại cấp phúc thẩm bị cáo bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ mới nhưng xét thấy mức án 09 tháng tù mà cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là phù hợp, không nặng. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Giữ nguyên Bản án Hình sự sơ thẩm số 31/2017/HSST ngày 15/6/2017 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2017 đến ngày 25/3/2017.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 98, 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh TN;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Phòng KTNV TAND tỉnh;
- Phòng PV27 CA tỉnh;
- TAND huyện;
- CCTHADS huyện;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Tòa Hình sự;
- Lưu HS./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**  
 (Đã ký)

**Lê Thị Thu Trang**

